

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & DỊCH VỤ BẮC HÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & DỊCH VỤ BẮC HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC HA PRODUCTION & SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAC HA P&S CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108562075

**3. Ngày thành lập:** 02/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1150, Đường Nguyễn Khoái, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 2.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591     |
| 3.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652     |
| 5.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                             | 2593     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: Túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn, chai lọ bằng nhựa                        | 2220     |
| 7.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                | 2410     |
| 8.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                      | 2640     |
| 10. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                  | 2732     |
| 11. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322     |
| 14. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải bằng ô tô;<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô.                                                                                                                                                    | 4932        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất kinh doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |
| 18. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2733        |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3320        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4329        |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>Bán buôn cao su;<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. | 4669        |
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690(Chính) |
| 23. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9521        |
| 24. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2013        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất chất giống nhựa                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2029        |
| 26. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2420        |
| 27. | Đúc kim loại màu<br>(Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2432        |
| 28. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2592        |
| 29. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2620        |
| 30. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2431        |
| 31. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2599        |
| 32. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2750        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện<br>(máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4659 |
| 34. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2710 |
| 35. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2790 |
| 36. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3311 |
| 37. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3313 |
| 38. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 39. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                            | 4649 |
| 40. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 41. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khóa;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 42. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐĂNG HẢI    | Số 3 Ngõ 249 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 1.200.000.000         | 40,000    | 001063015513                                                                                                                                      |         |
| 2   | MAI THỊ VIỆT HƯƠNG | P207-E3 Đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 900.000.000           | 30,000    | 013381958                                                                                                                                         |         |
| 3   | NGUYỄN THU THỦY    | Số 3 Ngõ 249 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 450.000.000           | 15,000    | 001187019855                                                                                                                                      |         |
| 4   | NGUYỄN THU HƯƠNG   | Số 3 Ngõ 249 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 450.000.000           | 15,000    | 013622473                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THU THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187019855

Ngày cấp: 16/04/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3 Ngõ 249 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3 Ngõ 249 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội